

MỘT SỐ TƯ LIỆU VỀ NGHỀ TRỒNG DÂU NUÔI TẦM DỆT LỤA Ở XỨ QUẢNG

Trần Văn

Kỹ thuật se sợi, dệt vải sớm có mặt ở nước ta từ nhiều ngàn năm trước. Trong các di chỉ khảo cổ học văn hóa Đông Sơn ở miền Bắc, văn hóa Sa Huỳnh ở miền Trung, Óc Eo ở miền Nam người ta tìm thấy nhiều dọi se chỉ và dấu vết của vải. Tuy nhiên vẫn chưa biết lúc bấy giờ ở vùng đất thuộc xứ Quảng đã có vải tơ tằm và nghề trồng dâu nuôi tằm hay chưa vì các mẫu vải thuộc thời kỳ văn hóa Sa Huỳnh ở khu vực miền Trung vẫn chưa được nghiên cứu (1).

Tư liệu sớm nhất đề cập đến nghề trồng dâu nuôi tằm ở Giao Chỉ là sách Thủy Kinh của Trung Quốc (2). Trong đoạn dẫn Lâm Ấp ký (3) sách này đã viết: “Việc trồng dâu nuôi tằm một năm thu tám lứa kén”. Ngự Lãm 825 (4) dẫn Lâm Ấp ký nói: “Ở quận Cửu Chân tằm một năm tám lứa, kén nhỏ, nhẹ và mỏng, sợi tơ yếu, sợi mảnh”. Ngô đô phú do Lý chú dẫn “Giao Châu ký” của Lưu Hân Kỳ nói: “Ở Nhật Nam mỗi năm nuôi tám lứa tằm” (5). Cửu Chân, Nhật Nam là vùng đất trước đây nằm dưới sự đô hộ của các triều đại phong kiến Trung Hoa có phạm vi từ Nam Trung Bộ trở ra Bắc. Dựa vào tư liệu này thì không thể xác định vào thời điểm bấy giờ ở Tượng Lâm, huyện cực Nam của Nhật Nam nơi có xứ Quảng Nam sau này đã có nghề trồng dâu nuôi tằm hay chưa. Các nguồn tư liệu cổ trung đại Trung Hoa khi nói về sản vật

của Lâm Ấp đều không thấy ghi vải tơ tằm mà chỉ có các loại vải như cát bối, triều hà bố, bạch chiêm bố..., trong đó cát bối (吉貝) được xem là loại vải thô sản của Lâm Ấp. Lương thư ghi: “Cát bối là tên một loại cây hoa của nó như lông ngỗng. Kéo sợi tơ của nó để dệt vải trắng, chẳng khác gì vải đay có thể nhuộm thành 5 màu, dệt thành vải sọc (ban bố - 班布) (6).

Đặc biệt Tống sử, một bộ sử đời Tống (962 - 1279), phần Liệt truyện viết về Chiêm Thành có đoạn: “...Phong tục và y phục của nước này giống nước Đại Thục, không có tơ tằm dùng vải bông trắng quấn quanh ngực và buông xuống chân, áo thì ống tay chần...” (7). Tư liệu này để lại một nghi vấn rằng có hay không nghề dệt vải tơ tằm ở Chiêm Thành giai đoạn đời Tống trở về trước. Những ghi chép này của Lương thư, Tống sử đã được Trương Nhiếp dẫn lại trong Đông Tây dương khảo phần nói về Chiêm Thành (8) và ông đã cung cấp tên một số loại vải của nước này như Cát bối, Triều hà bố, Ty văn bố, Bạch chiêm bố.

Từ thế kỷ XVI, khi các chúa Nguyễn xây dựng và phát triển vùng đất Đàng Trong thì các tư liệu ghi chép về tơ tằm xứ Quảng phong phú và cụ thể hơn. Các tư liệu này cho thấy vào các thế kỷ XVI đến XIX, Quảng Nam trở thành là xứ sở, thủ phủ của tơ tằm và nghề trồng dâu nuôi tằm.

Ô Châu Cận Lục của Dương Văn An hoàn thành vào năm 1554 khắc in 1555 đoạn nói về huyện Điện Bàn có ghi “Lang châu sản nhiều lụa trắng (白絹)”(9).

Trong các bức thư của chúa Tiên Nguyễn Hoàng, chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên gửi cho Mạc phủ Tokugawa thường ghi kèm danh sách tặng phẩm quý trong đó có các vải lụa tơ tằm như quyên (絹), sắc hoàn (色紬): lụa mỏng có màu; đại sam lãnh (大衫領): vải áo dài.

Tuy là quà tặng nhưng đây là cách giới thiệu mặt hàng để mời gọi chính quyền Mạc Phủ đến buôn bán, trao đổi hàng hóa với Đàng Trong. Các nghiên cứu gần đây cho biết, tơ lụa, tơ sồng là mặt hàng chủ yếu các thuyền Nhật Bản mang về từ Đàng Trong (10). Và không chỉ tơ lụa, nghe đâu các thuyền buôn Nhật Bản còn mang về từ Đàng Trong một khung cửi dệt vải và cho ra đời loại vải mang kỹ thuật của Đàng Trong gọi là Liễu điều bố (柳条布) (11). Đây là loại vải truyền thống ngày nay vẫn còn sản xuất ở Nhật.

Một số giáo sĩ phương Tây sống nhiều năm ở vùng Dinh Chàm (đỉnh Quảng Nam) vào đầu thế kỷ XVII đã có những ghi nhận lý thú về tơ tằm, qua đó cho thấy nghề trồng dâu nuôi tằm đã phát triển cực thịnh ở đây. Alexandre De Rhode trong Hành trình và truyền giáo viết: “Xứ này nhiều tơ lụa đến nỗi còn dùng để đan lưới và bện dây thuyền” (12). Cristophoro Borri thì ca



Một góc trưng bày về nghề dâu tằm tại Bảo tàng Văn hóa Dân gian Hội An

ngợi: “Họ có nhiều tơ lụa đến nỗi dân lao động và người nghèo cũng dùng hàng ngày. Vì thế đã hơn một lần tôi rất thích thú khi thấy đàn ông, đàn bà khuân vác đá, đất, vôi và các vật liệu tương tự mà không hề cẩn thận giữ cho áo đẹp vớ của họ mặc khỏi rách hay bẩn. Điều này không có gì lạ nếu biết rằng có những cây dâu cao lớn người ta hái lá để nuôi tằm được trồng trong những thửa ruộng rộng lớn như cây gai ở bên ta và mọc lên rất nhanh chóng. Thế nên chỉ trong một ít tháng là tằm được đưa ra nuôi ngoài khí trời và đồng thời nhả tơ, làm thành những cái kén nhỏ với số lượng rất nhiều và dư thừa đến nỗi người Đàng Trong đủ dùng riêng cho mình mà còn bán cho Nhật Bản và gửi sang Lào để rồi đưa sang Tây Tạng. Thứ lụa này tuy không thanh và mịn nhưng bền và chắc hơn lụa Tàu” (13).

Đến thế kỷ XVIII, XIX, nghề trồng dâu nuôi tằm dệt vải tiếp tục phát triển mạnh mẽ ở Quảng Nam với sự tiếp thu kỹ thuật dệt vải có nguồn gốc từ Trung Hoa, Nhật Bản và một số

nước khác trong khu vực. Hai tư liệu giá trị vinh danh nghề dâu tằm của Quảng Nam là Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn và Đại Nam nhất thống chí của Quốc sử quán triều Nguyễn (14).

Nhiều gia phả của các tộc họ, giấy tờ mua bán đất đai của các gia đình ở Hội An và nhiều địa phương của xứ Quảng đã ghi lại việc tham gia trồng dâu nuôi tằm chứng tỏ nghề này đã có tác động mạnh mẽ đến hoạt động kinh tế tại chỗ và lôi cuốn nhiều gia đình tham gia với số lượng lớn các ruộng dâu (tang căn điền) tạo thành các bãi dâu, biên dâu, cồn dâu bạt ngàn dọc theo các cồn bãi ven sông Thu Bồn, đem lại sự giàu có cho nhiều gia đình (15).

Đến cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX nghề tằm tang xứ Quảng lại có cơ hội đổi mới, phát triển với việc tiếp thu kỹ thuật từ người Pháp để cho ra đời những chiếc máy dệt, máy uơm tơ mang tên Cừu Diễn. Giai đoạn này nghề trồng dâu nuôi tằm dệt vải của Quảng Nam nổi tiếng khắp cả nước với các địa chỉ như Thi Lai, Hà Mật, Đông Yên, Mã Châu, Xuân Đài, Phú Bông, Mỹ Xuyên... Theo tờ tin tức Hà Nội và Hà Thành thời báo năm 1938 thì vào năm 1935 các làng ven sông Thu Bồn của Quảng Nam đã có đến 5000 máy dệt đập chân, tạo việc làm cho hàng chục vạn lao động (16).

Như vậy, tuy chưa thật đầy đủ nhưng qua một số tư liệu giới thiệu ở trên chúng ta có thể xác định Quảng Nam từng là một trong những xứ sở, thủ phủ của tơ lụa. Tơ lụa đã tạo nên sự nhộn nhịp một thời của các vùng dâu tằm xứ Quảng, của thương cảng Hội An và của cả xứ Đàng Trong. Tơ lụa cũng

đã tạo nên sự nổi tiếng của xứ Quảng đến nỗi nhiều thương khách nước ngoài đã gọi là nước Quảng Nam. Tiếp tục sưu tầm, tập hợp, nghiên cứu các nguồn tư liệu liên quan đến tơ tằm và nghề tằm tang xứ Quảng cũng là một việc làm cần thiết nhằm vinh danh, bảo tồn, phát triển thương hiệu tơ lụa Quảng Nam và nghề trồng dâu nuôi tằm xứ Quảng

*** Chú thích:**

(1). Riêng loại vải trong văn hóa Đông Sơn các nghiên cứu đã cho biết “Sợi dệt vải Đông Sơn đa số được làm từ vỏ cây gai và cây lanh. Ngoài ra, còn có những bằng chứng gián tiếp xác nhận việc sử dụng sợi tơ tằm muộn nhất là từ 2300 năm trước. Đó là dấu in những túi lụa bọc tiền đồng và gương đồng và vết để lại của những sợi lụa được dùng làm sợi màu trang trí trên các tấm vải gai đương thời...” (Nguyễn Việt, “Lịch sử vải sợi Việt Nam từ thời Đông Sơn đến thời cận đại”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế Hội An - Nhật Bản, 2009, tr131 - 140).

(2). Sách Thủy Kinh làm vào thế kỷ III, không rõ tác giả, là cuốn sách của Trung Hoa về hệ thống sông ngòi cổ đại. Đến thế kỷ thứ VI, Lịch Đạo Nguyên (466 hoặc 472 – 527) chú giải nên có tên là Thủy Kinh chú. Đến đầu thế kỷ XX, Dương Thủ Kính và Hùng Hội Trinh tiếp tục chú thích kỹ, làm thành bộ sách 40 cuốn gọi là Thủy kinh chú số.

(3). Lâm Ấp: Tên một nước xuất hiện trong tư liệu thư tịch giai đoạn từ thế kỷ II đến thế kỷ VIII. Các cuốn sử Trung Hoa thời Đường, Lương, Tề, Tấn, Tống, phần Lâm Ấp thường ghi sự kiện năm 192 một công tào tên Khu Liên nổi dậy đánh chiếm huyện sở Tượng Lâm lập nên nước Lâm Ấp. Tên này xuất hiện trong sử liệu Trung Hoa từ thế kỷ II đến thế kỷ VIII, sau đó là Hoàn Vương (thế kỷ VIII đến thế kỷ IX) và sau cùng là Chiêm Thành. Các nghiên cứu gần đây cho biết có thể đây là các thực thể chính trị khác nhau, thuộc các bộ tộc khác nhau.

(4). Túc sách Thái Bình ngự lãm của Trung Hoa, làm vào thời Tống Thái Tông, niên hiệu Thái Bình (977 - 983), gồm 1000 cuốn, số phía sau là số thứ tự cuốn sách.

(5). Thủy Kinh chú sớ, sđd, Nxb Thuận Hóa. 2004, tr388.

(6). Nhà Lương (502 - 577). Cát bối là một loại vải làm từ bông. Sách Đại Nam nhất thống chí của triều Nguyễn ghi: “*Bông: chữ Hán là mộc miên, có 2 loại, một loại mộc tục gọi cây gòn, lại có tên là cây gạo, một loại thảo tục gọi bông tàu. Bản Thảo gọi là cổ chung, lại gọi là cát bối đều dùng làm vải*”. (Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, quyển 2, Nxb Thuận Hóa, 1997, tr326).

(7). Bản dịch chép tay. Nguyên văn “*Vô ty tầm dĩ bạch chiên bố (白氎布) triền kỳ hung, thủy chi ư túc*”. Bạch chiên bố có thể là loại vải trắng, giạ trắng làm từ lông thú vật.

(8). Đông Tây dương khảo do Trương Nhiếp (*hoặc Tiếp*) đời Minh soạn và khắc bản vào năm 1617. Phần Chiêm Thành, mục sản vật về các loại vải ông ghi vải cát bối và dẫn lại Lương Thư; Triều hà bố (*vải Triều Hà*) và dẫn Đường thư: vợ vua mặc Triều hà đời Trinh Quán làm đồ cống phẩm (cho Trung Hoa); Ty văn bố (*絲紋布*) (có thể là loại vải có sọc bằng tơ (?)); bạch chiên bố và dẫn Tống sử về việc Chiêm Thành không có tơ tầm nên lấy bạch chiên bố quấn từ ngực xuống chân.

(9). Bạch quyên (白絹): lụa sống, lụa thô chưa qua gia công. Loại tơ lụa này là mặt hàng xuất khẩu được các nước ưa chuộng, nhất là Nhật Bản, Trung Hoa giai đoạn thế kỷ XVI, XVII, XVIII.

(10). Li Tana, *Xứ Đàng Trong*, Nxb Trẻ, 1999, trang 92: “*Người Nhật đến Đàng Trong thoạt tiên là vì tơ lụa. Họ có thể mua tơ lụa ở đây dễ dàng hơn ở các nơi khác vì tại cảng chính là Hội An có một số người Nhật sinh sống và những người Nhật này có thể thu gom tơ sống trước khi tàu của họ tới*”.

(11) Liễu điều bố: loại vải có hoa văn thẳng chạy dọc theo tấm vải. Gần đây một số nhà nghiên cứu Nhật Bản đã mang loại vải này đến Hội An để làm quà tặng và để tìm hiểu, trao đổi thông tin về xuất xứ, nguồn gốc.

(12). Alexandre De Rhode, *Hành trình và truyền giáo*, Ủy ban Đoàn kết Công giáo thành phố Hồ Chí Minh xuất bản, 1994, tr49.

(13). Cristophoro Borri, *Xứ Đàng trong năm 1621*, Nxb thành phố Hồ Chí Minh, 1998, tr31-32.

(14). Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, hoàn thành vào cuối thế kỷ 18, Nxb Khoa học xã hội, 1997, ghi: “*Tổ xa đời của họ Nguyễn là người dinh Quảng Nam phủ Thăng Hoa, học dệt ở người Bắc khách, rồi truyền nghề cho nhau. Các hàng vóc, sa, lĩnh, gấm, tr�u, cải hoa rất khéo...*” (tr332) và “*Người Thăng Hoa, Điện Bàn biết dệt vải vóc, đoan lĩnh là hoa màu khéo đẹp chẳng kém Quảng Đông*” (tr337).

Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, bản Tự Đức (1848-1883), Nxb Thuận Hóa, 1977, mục sản vật của tỉnh Quảng Nam đã ghi các loại vải: “*Đũi, sản ở 2 huyện Diên Phước và Duy Xuyên, có hộ chuyên nghiệp. Lụa đũi của châu Đông An dệt tốt nhất. Lụa: sản ở xã Thăng Bình huyện Diên Phước thì chất dày, sản ở Mã Châu, huyện Duy Xuyên thì chất mỏng. Sa: sản ở huyện Diên Phước, các thứ sa mỏng Nam Hoa và sa dày hoa dệt khéo không kém gì Quảng Đông. Nhiều: sản ở 2 huyện Diên Phước và Hà Đông. Lĩnh: sản ở xã Đông Minh huyện Diên Phước. Vải: các huyện điều có*” (tr396).

(15). Gia phả tộc Nguyễn Đức ở An Mỹ, lập vào thế kỷ 19, ghi: “*Bà nội ta tính tình cần mẫn, thương yêu kẻ nghèo khó, khi về với ông nội ta bà chọn đất trồng dâu nuôi tằm, thu hoạch lợi nhuận dồi dào, nhiều vàng lăm bạc. Mỗi ngày sự giàu có càng gia tăng, tạo mãi ruộng đất rất nhiều...*” (Bản chữ Hán, lưu giữ tại nhà thờ tộc Nguyễn, số 380 Cửa Đại - Hội An).

(16). Trích Mai Trục, *Thi Lai quê hương tôi*, Website Duy Trinh quê tôi.

